

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2023/DS - PT
Ngày: 30 -3 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương
Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Phấn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 363/2023/TLPT- DS ngày 16 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Y bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 66/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng NĐ (tên viết tắt: NH);
Địa chỉ: Số XXX, phố T, phường L, quận H, thành phố N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông ĐD1 - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà ĐD2 - Phó Giám đốc khối xử lý nợ.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông UQ - Chuyên viên xử lý nợ địa bàn miền Nam; Địa chỉ: Số XXX, phố T, phường L, thành phố T, tỉnh G (có mặt);

- Bị đơn:

1. Ông BĐ1, sinh năm 1967;
2. Bà BĐ2, sinh năm 1968;
Cùng địa chỉ: ấp P, xã Q, huyện X, tỉnh Y (có mặt);

- Người kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng NĐ, bị đơn bà BĐ2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông UQ trình bày:

Bà BD2 và ông BD1 có vay vốn tại Ngân hàng ND (NH) - Chi nhánh T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) theo Hợp đồng cho vay từng lần số REF2106800248 ngày 10/3/2021 với nội dung như sau: Số tiền vay là 2.880.000.000 đồng; mục đích vay là để bù đắp mua bất động sản. Thời hạn vay là 180 tháng từ ngày 13/3/2021 - 12/3/2036; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là: 8,5%/năm (lãi suất được tính theo năm, với một năm là 365 ngày), lãi suất cho vay cố định trong 12 tháng từ ngày giải ngân. Hết thời hạn nêu trên, lãi suất cho vay trong hạn sẽ điều chỉnh định kỳ vào ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý khi có sự thay đổi của lãi suất cơ sở do Ngân hàng ban hành từng thời kỳ. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là 12/3/2022, điều chỉnh sau đó vào ngày làm việc đầu tiên của quý liền kề tiếp theo.

Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Lãi suất chậm trả đối với tiền lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng thời gian chậm trả (áp dụng tại thời điểm tiền lãi của bên vay quá hạn).

Và các khoản phí khác theo quy định tại hợp đồng cho vay từng lần mà các bên đã ký với nhau.

Kỳ hạn trả nợ: bên vay trả gốc và lãi cho Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ trả gốc và lãi đầu tiên là vào ngày 25/4/2021, số tiền phải trả từng kỳ gồm tiền gốc mỗi kỳ là 16.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên dư nợ thực tế.

Ngoài ra, ông BD1 và bà BD2 còn ký với ngân hàng đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kèm hợp đồng hạn mức phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân số 15479838 ngày 08/3/2021 với hạn mức cấp thẻ là 100.000.000 đồng. Mục đích sử dụng hạn mức thẻ tín dụng: Vay mua đất.

Để đảm bảo cho khoản vay bà BD2 và ông BD1 đã thế chấp tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.746,3m² (đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 140, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện X, tỉnh Y được cập nhật chuyển nhượng cho ông BD1 và bà BD2 vào ngày 23/02/2021 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF2106800248/HDTC/TG1-NVB ngày 10/3/2021; ký giữa Ngân hàng với bà BD2 và ông BD1. Việc thế chấp có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X, tỉnh Y.

Trong quá trình vay vốn bà BD2 và ông BD1 có trả cho Ngân hàng 32.237.080 đồng tiền nợ gốc và 49.638.975 đồng tiền lãi.

Bên vay (bà BD2 và ông BD1) đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi từ tháng 6/2021 đến nay. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận và có ý trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Tháng 02/2002 Ngân hàng quyết định thu hồi toàn bộ khoản vay trước thời hạn và yêu cầu bên vay thanh toán nhưng bên vay vẫn không thanh toán. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà BD2 và ông BD1 liên đới trả số tiền còn nợ ngân hàng tính đến ngày 22/9/2022 đối với hợp đồng cho vay từng lần là 3.249.767.659 đồng (trong đó nợ gốc trong hạn là 2.608.000.000 đồng, nợ gốc quá hạn là 239.762.920 đồng, nợ lãi trong hạn chưa đến hạn là 24.408.022 đồng, nợ lãi trong hạn đã quá hạn là 335.305.116 đồng, nợ lãi quá hạn là 21.625.107 đồng, nợ lãi chậm trả 20.666.494 đồng). Dư nợ của thẻ tín dụng là 146.809.267 đồng (trong đó nợ gốc là 100.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn và phí chưa trả là 8.024.199 đồng, nợ lãi quá hạn là 38.785.068 đồng).

Tổng cộng 02 khoản vay mà ngân hàng yêu cầu bị đơn thanh toán là 3.396.576.926 đồng. Và Ngân hàng tiếp tục yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết giữa các bên cho đến khi thanh toán tất nợ. Trường hợp bị đơn không thanh toán nợ theo đúng thỏa thuận thì yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Nếu tài sản bảo đảm cho khoản vay vẫn không đủ để thanh toán tất nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu bị đơn vẫn phải tiếp tục trả tất nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, bị đơn bà BD2 trình bày:

Ngày 10/3/2021 bà và chồng là ông BD1 có vay vốn tại Ngân hàng NĐ (NH) - Chi nhánh T theo hợp đồng cho vay từng lần với số tiền vay là 2.880.000.000 đồng; mục đích vay là để bù đắp mua bất động sản. Thời hạn vay là 180 tháng. Đồng thời, bà và ông BD1 còn ký với Ngân hàng một đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kèm hợp đồng hạn mức phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân với hạn mức cấp thẻ là 100.000.000 đồng. Thỏa thuận mỗi tháng bà phải trả cho ngân hàng 16.000.000 đồng tiền vốn gốc và tiền lãi. Bà có trả cho Ngân hàng được 32.237.080 đồng nợ gốc và 49.638.975 đồng tiền lãi.

Tuy nhiên, trong năm 2021 cây giống bà trồng bị ảnh hưởng do hạn nước mặn và dịch Covid-19 nên bà làm ăn thua lỗ không có tiền để thanh toán nợ cho Ngân hàng như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà trả tổng số tiền 3.396.576.926 đồng thì bà cũng thừa nhận vay tiền thì phải trả nhưng do hợp đồng vay mà bà đã ký với Ngân hàng thỏa thuận thời hạn vay là 15 năm nên bà yêu cầu xin trả số tiền của những tháng chậm trễ cho ngân hàng, số tiền còn lại xin trả trong thời gian 15 năm như đã thỏa thuận. Đồng thời, quyền sử dụng đất bà sử dụng để thế chấp cho Ngân hàng là đất hương hỏa dành để thờ cúng tổ tiên nên không đồng ý phát mãi phần tài sản này. Bà và chồng cũng có phần đất riêng khác nên yêu cầu sử dụng phần đất khác để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, bị đơn ông BD1 thống nhất với trình bày của bà BD2, không bổ sung thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Y đã tuyên:

Căn cứ vào các điều 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Đông Nam Á (NH).

2. Buộc bà BD2 và ông BD1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng NH (NH) – (do Chi nhánh T đại diện nhận) số tiền tính đến ngày 22/9/2022 là 3.396.576.926 đồng (Trong đó nợ gốc 2.947.762.920 đồng, tiền lãi là 448.814.006 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp bà BD2 và ông BD1 không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng NH có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật gồm diện tích đất 3.746,3m² (đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 140, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện X, tỉnh Y theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành CX667481, số vào sổ cấp GCN CS04890 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 23/12/2020 và được cập nhật chuyển nhượng cho ông BD1 và bà BD2 vào ngày 23/02/2021; Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF2106800248/HDTG/TG1-NVB ngày 10/3/2021 để thu hồi nợ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/10/2022, nguyên đơn Ngân hàng NH kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, bị đơn bà BD2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà BD2 đề nghị cho bà được trả tiền theo hợp đồng 15 năm, trả hàng tháng cho đến khi hết nợ và không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để thi hành án vì đây là đất hương hỏa của ông bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn không đồng ý kháng cáo của bị đơn, rút một phần kháng cáo về việc yêu cầu trả các khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả, phí phát sinh theo lãi suất

thỏa thuận tại thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân số 15479838 ngày 08/3/2021.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu trả các khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả, phí phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân số 15479838 ngày 08/3/2021; Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn bà BD2 kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Nguyên đơn, bị đơn thừa nhận tự nguyện ký kết, xác lập giao dịch theo Hợp đồng cho vay từng lần số REF2106800248 ngày 10/3/2021 số tiền vay là 2.880.000.000 đồng, mục đích vay là để bù đắp mua bất động sản, thời hạn vay là 180 tháng từ ngày 13/3/2021 – 12/3/2036, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 8.5%/năm, lãi suất cho vay cố định trong 12 tháng từ ngày giải ngân. Và đề nghị vay vốn, đề nghị kèm hợp đồng hạn mức phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân số 15479838 ngày 08/3/2021 với hạn mức cấp thẻ là 100.000.000 đồng, mục đích sử dụng hạn mức thẻ tín dụng là vay mua đất. Thỏa thuận trả nợ gốc và lãi định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả gốc và lãi đầu tiên là vào ngày 25/4/2021, tiền gốc mỗi kỳ là 16.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.746,3m² thuộc thửa đất số 140, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện X, tỉnh Y theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF2106800248/HDTG/TG1-NVB ngày 10/3/2021.

[3] Bị đơn đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 32.237.080 đồng và 49.638.975 đồng tiền lãi. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ tháng 6/2021 đến nay nên Ngân hàng yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ còn lại của cả hai khoản vay là 3.396.576.926 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 2.947.762.920 đồng và

tiền lãi 448.814.006 đồng. Tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận còn nợ ngân hàng tổng số tiền đúng như ngân hàng yêu cầu, đây là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận. Bản án sơ thẩm đã tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với số tiền 3.396.576.926 đồng. Ngoài ra, bản án còn tuyên về tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm.

[4] Nguyên đơn, bị đơn không kháng cáo về số tiền nợ gốc mà bị đơn phải trả, cũng như tiền lãi, lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm mà Tòa án sơ thẩm đã tuyên. Tòa án sơ thẩm đã xác định lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và hướng dẫn tại khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Ngân hàng kháng cáo cho rằng, việc Tòa án sơ thẩm tuyên mức lãi suất chậm thi hành án kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chỉ tính lãi quá hạn trên số dư nợ gốc đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của ngân hàng, trái với nội dung thỏa thuận của Ngân hàng với khách hàng và các quy định pháp luật liên quan, xét thấy:

Đối với các khoản tiền vay của tổ chức tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này và mức lãi chậm trả. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[6] Theo Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì:

“1. Khi giải quyết vụ án hình sự, hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, cùng với việc quyết định khoản tiền mà bên có nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán cho bên được thi hành án thì Tòa án phải quyết định trong bản án hoặc quyết định (Phần quyết định) như sau:

a) Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về

mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.”

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn nhưng không cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm lại theo cơ cấu tiền lãi mà chỉ cần điều chỉnh nội dung cho phù hợp quy định tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với Hợp đồng cho vay từng lần số REF2106800248 ngày 10/3/2021. Riêng đối với thỏa thuận các đương sự tại Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kèm hợp đồng hạn mức phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân số 15479838 ngày 08/3/2021 do tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu và bị đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét.

[7] Kháng cáo của bị đơn bà BD2 không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp và yêu cầu được tiếp tục hợp đồng vay vốn với ngân hàng, trả với thời hạn 15 năm trong khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận hợp đồng vay đối với Ngân hàng; việc bảo đảm khoản nợ vay có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, hợp đồng thế chấp tài sản có đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Do đó, các hợp đồng thế chấp này có giá trị pháp lý; việc yêu cầu được trả khoản vay thời hạn 15 năm không được nguyên đơn chấp nhận nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn không phải chịu; bị đơn bà BD2 phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng NĐ (NH).

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà BD2.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Y.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ vào các điều 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NĐ.

2. Buộc bà BD2 và ông BD1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng NĐ (NH) - (do Chi nhánh T đại diện nhận) số tiền tính đến ngày 22/9/2022 là 3.396.576.926 đồng (Ba tỷ ba trăm chín mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi sáu đồng), trong đó: nợ gốc 2.947.762.920 đồng (Hai tỷ chín trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm hai mươi đồng); tiền lãi là 448.814.006 đồng (Bốn trăm bốn mươi tám triệu tám trăm mười bốn nghìn lẻ sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần số REF2106800248 ngày 10/3/2021 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bà BD2 và ông BD1 không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng NĐ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật gồm diện tích đất 3.746,3m² (đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 140, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện X, tỉnh Y theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành CX667481, số vào sổ cấp GCN CS04890 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 23/12/2020 Và được cập nhật chuyển nhượng cho ông BD1 và bà BD2 vào ngày 23/02/2021; Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF2106800248/HDTC/TG1-NVB ngày 10/3/2021 để thu hồi nợ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà BD2 và ông BD1 phải có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí là 99.931.538 đồng (chín mươi chín triệu chín trăm ba mươi một nghìn năm trăm ba mươi tám đồng).

- Trả lại cho Ngân hàng NĐ (NH) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 47.590.000 đồng (bốn mươi bảy triệu năm trăm chín mươi đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0007568 ngày 04/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Y.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà BD2 phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007792 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Y.

- Trả lại cho Ngân hàng NĐ (NH) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000452 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Y.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng